

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ - PT
Ngày 26 - 4 - 2022
“V/v: Tranh chấp chia tài sản
chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thái Sơn

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Hậu Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị
Phượng Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh
Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
05/2022/TLPT - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp chia
tài sản chung sau ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 69/2021/HNGĐ - ST, ngày 09
tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng
cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐ - PT ngày
16 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ - PT ngày 05
tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng Vũ H, sinh năm 1988. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn M, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Trương Bùi Ngọc C, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Vũ H trình bày: Anh và chị Trương Bùi Ngọc C kết hôn vào năm 2013. Do cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh và chị C ly hôn theo Quyết định số 40/2019/HNGĐ-ST, ngày 01/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện V. Vào ngày 28/11/2018 anh và chị C có tự thỏa thuận phần tài sản chung là phần đất và tài sản gắn liền theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO1554, tờ bản đồ số 12, thuộc thửa 813 đứng tên Trương Bùi Ngọc C có căn nhà cấp 4, diện tích đất 57m² xây dựng năm 2016 với số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn. Đến năm 2020, chị C muốn bán căn nhà trên không thực hiện theo thỏa thuận trước đây. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được hưởng 1/2 phần giá trị tài sản gồm: Căn nhà và phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO1554, tờ bản đồ số 12, thửa 813 đứng tên Trương Bùi Ngọc C có căn nhà cấp 4, diện tích đất 57m² xây dựng vào năm 2016, hiện được Cơ quan chức năng đã thẩm định tổng giá trị đất và nhà là 608.930.000 đồng. Nếu chị C lấy đất và nhà thì chị C trả lại 1/2 giá trị tài sản trên cho anh.

Bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C trình bày: Chị thừa nhận lời trình của anh Nguyễn Hoàng Vũ H về thời gian kết hôn là đúng. Sau đó, ly hôn theo Quyết định số 40/2019/HNGĐ-ST, ngày 01/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, phần tài sản tự thỏa thuận. Chị không thống nhất chia phần tài sản phần đất và tài sản gắn liền theo đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO1554, tờ bản đồ số 12, thửa 813 do chị đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do phần đất trên do cha ruột của chị là ông Trương Việt Hùng mua của ông Giang Xuân Thiện, cho chị vào ngày 20/04/2015. Đến cuối năm 2015 cha và mẹ chị cho tiền để chị xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/10/2021 người làm chứng ông Trương Việt D trình bày:

Vào tháng 4/2015 ông có sang của ông Giang Xuân E 01 nền nhà thuộc thửa 813, giá tiền là 213.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng do chị Trương Bùi Ngọc C đứng tên. Phần đất này do ông cho riêng chị Trương Bùi Ngọc C. Sau đó ông cho tiền chị Trương Bùi ngọc C xây nhà để cho chị C và

anh H kinh doanh. Nay ông thống nhất để cho chị C tiếp tục sử dụng.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 69/2021/HNGĐ - ST, ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Hoàng Vũ H.

Chị Trương Bùi Ngọc C được sở hữu phần đất có diện tích 57m², thuộc thửa 813, tờ bản đồ số 12 và căn nhà, công trình trên đất có giá trị 608.930.000 đồng (Sáu trăm lẻ tám triệu chín trăm ba chục ngàn đồng). Phần đất tọa lạc tại ấp 04, thị trấn Nàng Mau, huyện V, tỉnh Hậu Giang có tứ cận như sau:

Cạnh giáp đường Nguyễn Tri Phương có số đo 4.75m.

Cạnh giáp thửa 811 có số đo 12m.

Cạnh giáp thửa 815 có số đo 12m.

Cạnh ngang sau (giáp hẻm nội bộ) có số đo 4.75m.

Chị Trương Bùi Ngọc C có nghĩa vụ trả ½ giá trị cho anh Nguyễn Hoàng Vũ H số tiền 304.465.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 23/12/2021, nguyên đơn chị Trương Bùi Ngọc C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Vũ H và yêu cầu công nhận quyền sở hữu hợp pháp đối với phần tài sản nhà đất thuộc thửa 813, tờ bản đồ số 12, tọa lạc ấp 4, thị trấn Nàng Mau, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C thay đổi nội dung kháng cáo. Chị C yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên thỏa thuận giữa bị đơn và bị đơn theo Tờ thỏa thuận ngày 28/11/2018.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang cho rằng chị C đã có đóng góp nhiều hơn trong việc tạo lập khối tài sản chung. Đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia tài sản chung theo tỉ lệ 6/4, chia cho bị đơn 60% giá trị tài sản, chia cho nguyên đơn 40% giá trị tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Vũ H khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C. Bị đơn cư trú tại Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện V xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn” là đúng qui định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/12/2021 bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C có đơn kháng cáo đúng qui định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị đơn yêu cầu nguyên đơn giữ nguyên thỏa thuận giữ nhà và đất cho con chung theo nội dung đã thỏa thuận ngày 28/11/2018. Xét thấy, việc thay đổi nội dung kháng cáo của bị đơn không vượt phạm vi kháng cáo ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Hoàng Vũ H và chị Trương Bùi Ngọc C trước đây là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2019 được giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 40/2019/QĐST – HNGĐ ngày 01/2/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang, nhưng chưa giải quyết về phân tài sản chung.

Phần tài sản tranh chấp gồm Quyền sử dụng đất ở diện tích 57m², thuộc thửa 813, tờ bản đồ số 12, do chị Trương Bùi Ngọc C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản trên đất có 01 nhà chính diện tích 57m² và mái che diện tích 11,88m². Giá trị tài sản theo kết quả định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống nhất cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất ở trị giá:

423.168.000 đồng, nhà ở trị giá 181.291.687 đồng, mái che trị giá 4.470.349 đồng, tổng giá trị tài sản tranh chấp là 608.930.000 đồng.

Anh H yêu cầu chị C có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ tổng số tiền về giá trị tài sản cho anh H. Chị C không đồng ý với yêu cầu của anh H, chị C cho rằng anh H không có quyền chia tài sản nêu trên vì số tiền mua đất do cha mẹ của chị cho tiền để chị C mua tài sản riêng và chỉ riêng một mình chị đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Trương Việt D (bút lục 77) ông Hùng trình bày phần đất tranh chấp là do ông mua của ông Giang Xuân E với giá 230.000.000 đồng, ông Hùng giao cho con là Trương Bùi Ngọc C thực hiện hợp đồng chuyển nhượng với ông Thiện và việc xây dựng nhà cũng là do ông Hùng cho tiền để chị C. Ông Hùng xác định phần đất và tài sản trên đất là ông chỉ cho riêng chị C. Tuy nhiên qua trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp (từ bút lục 102 đến 110) do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V cung cấp thể hiện phần đất nêu trên là do chị C nhận chuyển nhượng từ ông Trương Hoàng H1 theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được công chứng chứng thực ngày 26/3/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M.

Tại Tờ thỏa thuận (bút lục số 98) lập ngày 28/11/2018 anh H và chị C có thỏa thuận về tài sản chung là *“01 căn nhà tọa lạc ấp B, thị trấn M, huyện V, tỉnh Hậu Giang”*. Mặt khác, chị C được Ủy ban nhân dân huyện V, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO1554 vào ngày 22/6/2015. Thời điểm này chị C và anh H vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân được pháp luật thừa nhận. Như vậy, có căn cứ xác định diện tích phần tài sản nhà và đất thuộc thửa 813, tờ bản đồ số 12, tọa lạc *ấp B, thị trấn M, huyện V, tỉnh Hậu Giang* là tài sản chung của anh H và chị C tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân chưa được phân chia.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khi chia tài sản chung của vợ chồng có tính đến công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Như vậy, tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện chị C đã có sự hỗ trợ của gia đình và có công sức đóng góp nhiều hơn trong khối tài sản chung của vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết phân chia tài sản chung với tỉ lệ 50%/50% là chưa phù hợp nên cần điều chỉnh lại.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chia tài sản chung theo tỉ lệ 60%/40% theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Anh Nguyễn Hoàng Vũ H được nhận: $608.930.000 \text{ đồng} \times 40\% = 243.572.000 \text{ đồng}$.

Chị Trương Bùi Ngọc C được nhận: $608.930.000 \text{ đồng} \times 60\% = 365.358.000 \text{ đồng}$.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với chị C sau ly hôn đang nuôi con nhỏ chưa trưởng thành, không có chỗ ở phải ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, anh H cũng tự nguyện giao nhà và đất cho chị C và chỉ yêu cầu nhận giá trị. giao cho chị C được sử dụng toàn bộ đất và nhà ở, chị C có trách nhiệm hoàn trả cho anh H 40% giá trị tài sản mà anh H được chia cụ thể là: $608.930.000 \text{ đồng} : 40\% = 243.572.000 \text{ đồng}$.

[4] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định và định giá là 4.085.000 đồng . Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Vũ H và bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo tỷ lệ giá trị phần tài sản được phân chia theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí:

[7.1] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Vũ H và bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà nguyên đơn và bị đơn được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[7.2] Án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Trương Bùi Ngọc C
Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Hoàng Vũ H.

Chị Trương Bùi Ngọc C được sở hữu phần đất có diện tích 57m², thuộc thửa 813, tờ bản đồ số 12 và căn nhà, công trình trên đất có giá trị 608.930.000 đồng (Sáu trăm lẻ tám triệu chín trăm ba chục ngàn đồng). Phần đất tọa lạc tại ấp 04, thị trấn Nàng Mau, huyện V, tỉnh Hậu Giang có tứ cận như sau:

Cạnh giáp đường Nguyễn Tri Phương có số đo 4.75m.

Cạnh giáp thửa 811 có số đo 12m.

Cạnh giáp thửa 815 có số đo 12m.

Cạnh ngang sau (giáp hẻm nội bộ) có số đo 4.75m.

Chị Trương Bùi Ngọc C có nghĩa vụ trả giá trị cho anh Nguyễn Hoàng Vũ H số tiền 243.572.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Hoàng Vũ H phải chịu số tiền 12.178.600 đồng (Mười hai triệu một trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm đồng), chuyển số tiền 8.750.000 đồng (Tám triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng) mà anh Nguyễn Hoàng Vũ H đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số 0008330 ngày 13/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Anh H phải nộp thêm 3.428.000 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Buộc chị Trương Bùi Ngọc C phải nộp số tiền 18.267.000 đồng (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

2.2. Án phí Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm: Không ai phải chịu. Hoàn lại cho chị Trương Bùi Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002652 ngày 23/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

3. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định và định giá là 4.085.000 đồng. Anh Nguyễn Hoàng Vũ H phải chịu 1.634.000 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng), chị Trương Bùi Ngọc C phải chịu 2.451.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi một nghìn đồng). Anh Nguyễn Hoàng Vũ H đã nộp xong toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá, anh H không phải nộp thêm. Buộc chị Trương Bùi Ngọc C phải nộp 2.451.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi một nghìn đồng) để trả lại cho anh Nguyễn Hoàng Vũ H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/4/2022).

****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. V;
- Chi cục THADS H. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng